

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2015/NQ-HĐND

Vị Thanh, ngày 03 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính,
sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và phát biểu giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật.

(Đính kèm Phụ lục)

2. Sửa đổi, bổ sung chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu như sau:

a) Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập luyện của huấn luyện viên, vận động viên:

- Đội tuyển cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển cấp huyện: 70.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển trẻ cấp huyện: 60.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 50.000 đồng/người/ngày.

Thời gian tập trung tập luyện do cấp có thẩm quyền quy định. Đối với những môn không hưởng chế độ dinh dưỡng tập trung tập luyện thì thời gian tập trung tập luyện là: Không quá 45 ngày cho môn Bóng đá và không quá 30 ngày cho các môn còn lại.

b) Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung thi đấu:

- Đội tuyển cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển trẻ cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;
- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 90.000 đồng/người/ngày.

Nguồn kinh phí chi trả cho chế độ này được cân đối trong dự toán kinh phí sự nghiệp Văn hóa, Thông tin - Thể dục, Thể thao được giao hàng năm theo quy định hiện hành của nhà nước về phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Bổ sung mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức công tác tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh (trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh), cụ thể như sau:

a) Công chức, viên chức thường xuyên, trực tiếp khám, điều trị, chăm sóc bệnh nhân được hưởng mức hỗ trợ 1.800.000đ/người/tháng.

b) Công chức, viên chức không trực tiếp khám, điều trị, chăm sóc bệnh nhân được hưởng mức hỗ trợ 1.000.000đ/người/tháng.

Nguồn kinh phí chi trả cho chế độ này được bố trí trong dự toán được giao hàng năm theo quy định hiện hành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết và tổ chức, triển khai thực hiện nghị quyết. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát quá trình thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua và có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua. Những quy định trước đây trái với nghị quyết này đều hết hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp - Cục Kiểm tra văn bản;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBND tỉnh cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Đinh Văn Chung

Phụ lục

CHẾ ĐỘ CHI NHUẬN BÚT, BỒI DƯỠNG CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THÔNG TIN VÀ NGHỆ THUẬT
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

A/Chế độ nhuận bút, bồi dưỡng cho hoạt động văn hóa - thông tin và nghệ thuật (cấp tỉnh)

I. Sáng tác:

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Kịch bản lễ hội cấp khu vực, cấp tỉnh	Chương trình	6.000-15.000	Tùy theo quy mô, thời gian, không gian, lực lượng diễn viên sẽ định mức thù lao cụ thể từng kịch bản theo khung giá
2	Kịch bản thông tin lưu động	Vở	1.700-2.100	Từ 20 phút đến 30 phút
3	Tiểu phẩm sân khấu	Vở	450-700	Từ 10 phút đến 15 phút
4	Cải lương, kịch ngắn	Vở	1.600-2.200	Từ 20 phút đến 45 phút
5	Ca khúc	Bài	220-450	
6	Bài ca cổ, bản văn	Bài	150-320	
7	Sáng tác nhạc trong kịch	Bài	450-750	Cho các vở thông tin cổ động và kịch ngắn trong đó có 01 ca khúc chủ đề
8	Kịch bản chương trình ca nhạc bình thường	Chương trình	300-500	Từ 80 đến 90 phút
9	Kịch bản chương trình ca múa nhạc dự thi	Chương trình	1.000-2.000	Khu vực, toàn quốc
10	Biên tập nhạc trong kịch (kịch ngắn thông tin lưu động, chấp cải lương)	Bài	180-300	Chọn nhạc từ nguồn có sẵn trong băng, đĩa
11	Múa đơn, đôi, ba - có tình tiết (solo, Duo, Trio)	Tiết mục	450-750	Từ 5 phút đến 10 phút
12	Múa tập thể có tình tiết	Tiết mục	450-750	Từ 5 phút đến 10 phút
13	Múa tập thể: sinh hoạt, minh họa	Tiết mục	500-800	Từ 5 phút đến 10 phút
14	Múa - sáng tác nhạc cho tiết mục múa	Tiết mục	350-600	Cả hòa âm phối khí - thành phẩm
15	Thiết kế, biên tập chương trình ca múa nhạc kịch (tập kỹ)	Chương trình	600-1.100	Từ 60 phút đến 90 phút
16	Hòa âm, phối khí ca khúc	Bài	300-500	
17	Phác thảo tranh cổ động, pano	Bức	220-450	Tùy theo khổ đứng 2x3 hay khổ nằm 4x12 mà chi trả theo khung giá
18	Sáng tác Market sân khấu, lễ hội	Cuộc	200-400	
19	Đề cương triển lãm ảnh	Cuộc	150-300	
20	Đề cương tờ gấp, bưu ảnh	Tờ	150-200	
21	Market tờ gấp, bưu ảnh	Tờ	200-250	

II. Đạo diễn, dàn dựng, chỉ đạo nghệ thuật:

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Tổng đạo diễn kịch bản lễ hội	Cuộc	5.000 - 10.000	Tùy theo quy mô, thời gian, không gian, lực lượng diễn viên sẽ định mức thù lao cụ thể từng kịch bản theo khung giá
2	Phó tổng đạo diễn chương trình lễ hội	Cuộc	Từ 40 - 50% của Tổng đạo diễn	
3	Đạo diễn, dàn dựng tiểu phẩm	Vở	300-400	
4	Đạo diễn, dàn dựng kịch bản tuyên truyền cổ động, chấp cải lương, kịch ngắn	Vở	1.200-1.600	Từ 30 đến 45 phút
5	Đạo diễn chương trình ca múa nhạc	Chương trình	1.000-1.500	Chỉ chi cho chương trình dự thi và lễ hội
6	Dàn dựng tiết mục ca (đơn, song, tốp)	Tiết mục	90-130	Chỉ chi cho chương trình dự thi và lễ hội
7	Duyệt phác thảo maket, bài ca cổ động, chương trình nghệ thuật	Người	50-100	
8	Đạo diễn, dàn dựng hoạt cảnh	Tiết mục	450-750	
9	Chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy chương trình, tổ chức biểu diễn	Tiết mục	350-550	Tiết mục từ 5 đến 10 phút; Chương trình lễ hội hưởng 15% - 20% của Tổng đạo diễn

III. Bồi dưỡng biểu diễn và báo cáo chương trình

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Diễn viên (ca, múa, kịch)	Ngày	CBNV: 80-120 CTV: 100-120	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá
2	Nhạc công, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, hậu đài	Ngày	CBNV: 80-120 CTV: 100-120	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá
3	Phục vụ, bảo vệ, vệ sinh	Ngày	50-80	
4	Dẫn chương trình và giới thiệu	Cuộc	150-200	Chỉ áp dụng đối với các chương trình công diễn, liên hoan hội thi, hội diễn; đối với các chương trình hoạt động thường xuyên của đơn vị mức thù lao bằng với diễn viên.
5	Tổng đài	Chương trình	200-300	Chỉ áp dụng đối với các chương trình công diễn, liên hoan hội thi, hội diễn; đối với các chương trình hoạt động thường xuyên của đơn vị mức thù lao bằng với diễn viên.

IV. Tập dợt:

- Chương trình bình thường và dự thi cấp tỉnh, thị xã, huyện từ 10 - 20 ngày.
- Chương trình lễ hội và dự thi cấp trung ương, khu vực không quá 25 ngày.

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2013	Biên chế tăng, giảm do điều tiết	Biên chế năm 2016	Ghi chú
1.26	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo	5	0	5	
1.27	Hội Khuyến học	5	0	5	
1.28	Hội Cựu Thanh niên xung phong	3	0	3	
1.29	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	3	0	3	
1.30	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	3	0	3	
2	CẤP HUYỆN	717	28	745	
2.1	Thành phố Vị Thanh	110	0	110	
2.2	Thị xã Ngã Bảy	113	0	113	
2.3	Huyện Vị Thủy	102	0	102	
2.4	Thị xã Long Mỹ	31	28	59	Nhận 31 biên chế từ biên chế sự nghiệp khác của UBND huyện Long Mỹ và 28 biên chế của Sở LĐ - TB & XH (2015)
2.5	Huyện Long Mỹ	66	0	66	Nhận từ nguồn biên chế sự nghiệp còn lại của UBND huyện Long Mỹ (2015)
2.6	Huyện Phụng Hiệp	92	0	92	
2.7	Huyện Châu Thành	109	0	109	
2.8	Huyện Châu Thành A	94	0	94	